TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 278/2017/DS-ST
Ngày: 20/12/2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Phương.

2. Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2017/TLST-DS ngày 22/6/2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2017/QĐXXST-DS ngày 01/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2017/QĐST-DS ngày 30/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: đường N, Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đức T là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/8/2017).

Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nhan Tuấn H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: đường B, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2017 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Đức T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/7/2010, Ngân hàng T (viết tắt là "Ngân hàng") và ông Nhan Tuấn H ký thỏa thuận đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, theo đó, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông

Nhan Tuấn H với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nhan Tuấn H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 77.742.389 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày khởi kiện, ông Nhan Tuấn H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 99.344.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nhan Tuấn H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/10/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 20/12/2017, ông Nhan Tuấn H còn nợ Ngân hàng số tiền 23.504.486 đồng, trong đó, nợ gốc là 13.379.056 đồng, lãi quá hạn là 10.125.430 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nhan Tuấn H có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng số tiền 23.504.486 đồng. Ông Nhan Tuấn H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/12/2017 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số dư nợ gốc quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/7/2010, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ cho cá nhân ông Nhan Tuấn H vay tiền, không liên quan đến người khác, do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ nêu trên.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn Ngân hàng T do ông Trần Đức T làm đại diện có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời ông T nộp bản tự khai xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc ông Nhan Tuấn H phải thanh toán ngay số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 20/12/2017 là 23.504.486 đồng, trong đó, nợ gốc là 13.379.056 đồng, lãi quá hạn là 10.125.430 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 21/12/2017 cho đến khi ông Nhan Tuấn H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/7/2010, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T.

Bị đơn ông Nhan Tuấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông Nhan Tuấn H trả số tiền còn nợ. Theo Kết quả xác minh của Công an Phường 12, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Nhan Tuấn H có hộ khẩu thường trú tại số đường B, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh gia đình đã bán nhà không còn cư trú tại địa phương từ tháng 12/2012, đi đâu không rõ. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 12/7/2017, Ngân hàng do ông Đinh Duy T đại diện đã xác định Ngân hàng không cung cấp được địa chỉ khác của ông Nhan Tuấn H và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào Khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại đơn khởi kiện là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn Ngân hàng T do ông Trần Đức T làm đại diện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn ông Nhan Tuấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Ông Nhan Tuấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông H vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông H đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

3.1 Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 13.379.056 đồng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/7/2010 giữa Ngân hàng và ông Nhan Tuấn H, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định ông Nhan Tuấn H được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 512341 – 5701 hạn mức 30.000.000 đồng, sau khi cấp thẻ, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 77.742.389 đồng, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 99.344.000 đồng, lần cuối cùng thanh toán vào ngày 22/7/2015, từ ngày 22/8/2015, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Theo quy định tại Điều 91, Điều 93, Khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng T là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, Ngân hàng và ông H được quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, theo quy định tại Điều 19, Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, ông

H có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ. Ông H đã thanh toán cho Ngân hàng được 99.344.000 đồng, còn nợ lại 13.379.056 đồng. Căn cứ vào Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T, do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán khoản tiền nợ gốc còn lại là 13.379.056 đồng là có căn cứ.

3.2 Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi quá hạn tính đến ngày 20/12/2017 là 10.125.430 đồng:

Căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng thì: "Tổ chức tín dụng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được tổ chức tín dụng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ".

"Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn".

Ngày 22/8/2015 ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đến ngày 23/10/2015, Ngân hàng xác định ông H không trả nợ đúng hạn và số dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông H thanh toán số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 23/10/2015 đến ngày 20/12/2017 với số tiền 10.125.430 đồng là có căn cứ.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc ông Nhan Tuấn H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 20/12/2017 là 23.504.486 đồng, trong đó, nợ gốc là 13.379.056 đồng, lãi quá hạn là 10.125.430 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 21/12/2017 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/7/2010 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T với ông Nhan Tuấn H.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Nhan Tuấn H phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, 244, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 290, Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91, Điều 93, Khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 22 Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ- NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T về việc yêu cầu ông Nhan Tuấn H trả nợ.

2. Buộc ông Nhan Tuấn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tính đến ngày 20/12/2017 là 23.504.486 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 13.379.056 đồng, lãi quá hạn là 10.125.430 đồng.

Ông Nhan Tuấn H có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 21/12/2017 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/7/2010 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng T với ông Nhan Tuấn H.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nhan Tuấn H phải chịu án phí là 1.175.224 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 515.837 đồng (Năm trăm mười lăm nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004177 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 45 phút, ngày 20 tháng 12 năm 2017.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Thư;

2. Ông Nguyễn Minh Phương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 125/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đức Thắng là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/8/2017).

2. Bị đơn: Ông Nhan Tuấn H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: 1162/6 đường 3/2, Phường 12, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T về việc yêu cầu ông Nhan Tuấn H trả nợ.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Buộc ông Nhan Tuấn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tính đến ngày 20/12/2017 là 23.504.486 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 13.379.056 đồng, lãi quá hạn là 10.125.430 đồng.

Ông Nhan Tuấn H có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 21/12/2017 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/7/2010 và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng T với ông Nhan Tuấn H.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nhan Tuấn H phải chịu án phí là 1.175.224 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 515.837 đồng (Năm trăm mười lăm nghìn tám trăm ba mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004177 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 10 phút, ngày 20 tháng 12 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phúc